

Phụ lục 1: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC CHỈ TIÊU PCI
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	ĐIỂM 2022	XẾP HẠNG 2022	MỤC TIÊU 2023		ĐƠN VỊ ĐÀU MỐI (ĐM)/ CHỦ TRÌ (CT)
				Trên hoặc bằng	6,7	
I	CSTP 1: GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG	6,65	52	Trên hoặc bằng	6,7	Sở KH&ĐT - ĐM
1.10	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	24,59%	47	Trên hoặc bằng	56,0%	Sở Công Thương
1.11	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)	24,59%	44	Trên hoặc bằng	42,0%	
1.17	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)*	9,84%	23	Dưới hoặc bằng	9,6%	
1.18	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)*	6,25%	23	Dưới hoặc bằng	6,0%	
1.19	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)*	6,25%	60	Bằng	0,0%	
1.1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị) *	8,00	40	Dưới hoặc bằng	5,00	
1.2	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên*	6,25%	32	Dưới hoặc bằng	6,0%	
1.3	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)*	6,50	27	Dưới hoặc bằng	4,00	
1.4	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	67,86%	36	Trên hoặc bằng	69,0%	
1.15	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)*	6,25%	43	Dưới hoặc bằng	5,0%	

1.16	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%) *	6,25%	46	Dưới hoặc bằng	6,0%	
1.9	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% đồng ý)	18,75%	53	Trên hoặc bằng	75,0%	Sở LD-TB và XH
1.7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN đồng ý)	75,00%	29	Trên hoặc bằng	75,5%	Sở Nội vụ
1.12	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN đồng ý)	24,59%	46	Trên hoặc bằng	56,5%	
1.13	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý)	24,59%	42	Trên hoặc bằng	49,0%	
1.14	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN đồng ý)	24,59%	45	Trên hoặc bằng	44,0%	
1.5	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN đồng ý)	100,0%	1	Bằng	100,0%	
1.6	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN đồng ý)	81,25%	28	Trên hoặc bằng	81,5%	
1.8	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN đồng ý)	87,50%	6	Trên hoặc bằng	89,0%	
VI	CSTP 6: CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG	7,31	2	Trên hoặc bằng	7,33	Sở KH&ĐT - ĐM
6.9	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)*	32,00%	29	Dưới hoặc bằng	16,0%	Cục thuế tỉnh
6.2	Tình ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% đồng ý)*	45,08%	12	Dưới hoặc bằng	44,5%	Sở KH&ĐT
6.3	Tình ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% đồng ý)*	27,87%	26	Dưới hoặc bằng	27,5%	

6.10	Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)*	40,68%	8	Dưới hoặc bằng	38,5%	
6.1	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý)	88,52%	13	Trên hoặc bằng	89,5%	Sở Nội vụ
6.5	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	26,79%	14	Dưới hoặc bằng	17,0%	
6.4	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	56,00%	36	Dưới hoặc bằng	45,0%	Sở TN&MT
6.7	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	16,00%	41	Dưới hoặc bằng	3,4%	
6.8	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	24,00%	19	Dưới hoặc bằng	16,9%	Sở TT&TT
6.6	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	8,00%	5	Dưới hoặc bằng	7,9%	Thanh tra tỉnh
6.11	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% Đồng ý)*	47,93%	15	Dưới hoặc bằng	46,5%	